

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST

Ngày: 26-01-2018

“V/v: T/c hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đồi;

2. Ông Nguyễn Chí Lin;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2017/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST - KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ T.

Trụ sở: 162, C, phường 26, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn T – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn T: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 22, khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2017).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn bao bì giấy K.

Trụ sở: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Kim Ngọc T – Giám đốc.

Địa chỉ: 258/37E, D, phường 2, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

(Các bên đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2017, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu Hương đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/10/2016, Công ty TNHH thương mại dịch vụ TT nay được đổi tên thành Công ty TNHH thương mại dịch vụ T (sau đây gọi tắt là Công ty T) và Công ty TNHH bao bì giấy K (sau đây gọi tắt là Công ty K) có ký hợp đồng kinh tế số 01/HĐNT/TT-KDP-16. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty T sẽ bán giấy cuộn cho Công ty K. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã nhiều lần cung cấp giấy cuộn cho Công ty K theo đúng hợp đồng nhưng Công ty K không thanh toán tiền cho Công ty T.

Đến ngày 05/12/2017, Công ty T và công ty K có tiến hành đối chiếu và xác nhận công nợ thì Công ty K thừa nhận còn nợ công ty T số tiền gốc là 390.000.860đồng.

Nay Công ty T yêu cầu Công ty K trả cho Công ty T số tiền gốc là 390.000.860đồng và tiền lãi là 38.700.000đồng (sau 10 ngày từ ngày xuất hóa đơn đến ngày nộp đơn kiện ngày 30/11/2017). Tổng cộng tiền gốc và lãi mà Công ty K phải trả cho Công ty T số tiền nợ là 428.700.860đồng.

Bị đơn Công ty TNHH bao bì giấy K do bà Lê Kim Ngọc T đại diện trình bày trong biên bản hòa giải ngày 27/12/2017 và tại phiên tòa như sau:

Bà Lê Kim Ngọc T thống nhất ngày 18/10/2016, Công ty K và Công ty T có ký hợp đồng kinh tế số 01/HĐNT/TT-KDP-16 về việc Công ty K mua giấy cuộn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T có cung cấp giấy cuộn theo đúng hợp đồng đã ký kết. Tính đến tháng 12/2017, Công ty K còn nợ Công ty T số tiền gốc 390.000.860đồng. Nay Công ty K đồng ý trả số tiền gốc 390.000.860đồng và tiền lãi là 38.700.000đồng, tổng cộng 428.700.860đồng cho Công ty T nhưng vì Công ty K đang gặp khó khăn về tài chính nên xin trả dần số tiền nợ gốc mỗi tháng 15.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty T giữ nguyên ý kiến trình bày, không cung cấp thêm chứng cứ.

Bị đơn Công ty K không có đơn phản tố, không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2017 và tại phiên tòa, Công ty T căn cứ vào hợp đồng mua bán giấy cuộn và Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ ngày 05/12/2017 với Công ty K để yêu cầu Tòa án nơi bị đơn đặt trụ sở chính giải quyết tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, việc thụ lý vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện,

đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 317, 319 Luật thương mại năm 2005; các Điều 26, Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với yêu cầu thanh toán tiền hàng: Nguyên đơn Công ty T khởi kiện và cung cấp hợp đồng kinh tế số 01/HĐNT/TT-KDP-16 để chứng minh từ ngày 18/10/2016 Công ty T có mua bán giấy cuộn với Công ty K. Đối với Công ty K thừa nhận Công ty T đã giao giấy cuộn đúng, đủ chất lượng theo hợp đồng và Công ty K chưa thanh toán được nợ. Hai bên có đối chiếu công nợ, tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 05/12/2017 là 390.000.860đồng. Nay Công ty T yêu cầu Công ty K trả một lần số tiền nợ gốc là 390.000.860đồng và tiền lãi là 38.700.000đồng, tổng cộng 428.700.860đồng được Công ty K đồng ý trả nợ nhưng cho rằng đang gặp khó khăn về tài chính nên xin trả dần mỗi tháng 15.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

[2.2]. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, người đại diện Công ty K thừa nhận có ký hợp đồng kinh tế số 01/HĐNT/TT-KDP-16 ngày 18/10/2016 và thống nhất số nợ theo biên bản xác nhận công nợ ngày 05/12/2017, thể hiện Công ty K còn nợ Công ty T số tiền mua giấy cuộn là 390.000.860đồng, đồng thời chấp nhận mức tiền lãi phải trả 38.700.000đồng là phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty K có mua bán hàng hóa và còn nợ Công ty T tiền gốc là 390.000.860đồng, thống nhất tiền lãi phải trả là 38.700.000đồng, tổng cộng 428.700.860đồng, giao dịch mua bán hàng hóa của các bên là hợp pháp theo Điều 24 Luật Thương mại năm 2005. Xét ý kiến của chị Lê Kim Ngọc T đại diện bị đơn tuy thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ cho Công ty T nhưng xin trả dần mỗi tháng 15.000.000đồng cho đến khi hết nợ, ý kiến này của bị đơn không được người đại diện của nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Từ đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty K trả một lần số tiền nợ gốc, tiền lãi, tổng cộng 428.700.860đồng là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 và các Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc Công ty K phải chịu án phí KDTMST sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 147 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 280, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 24, Điều 50, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại năm 2005.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ T “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn bao bì giấy K.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì giấy K (do bà Lê Kim Ngọc T, Giám đốc làm đại diện) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ T số tiền nợ gốc là 390.000.860đồng, tiền lãi là 38.700.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 428.700.860đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu bảy trăm nghìn tám trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền người phải thi hành án chậm thi hành phải trả thêm lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định Điều 306 luật Thương mại năm 2005.

2. Về án phí: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì giấy K nộp 21.148.034đồng (*Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn không trăm ba mươi bốn đồng*) án phí KDTM sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Công ty Trách nhiệm hữu hạn bao bì giấy K chưa nộp.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ T số tiền tạm ứng án phí là 10.575.000đồng (*Mười triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001897 ngày 12 tháng 12 năm 2017.

3. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử tuyên án công khai, trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Linh Duy